

Bản án số:178/2023/HC-PT

Ngày: 24/3/2023

V/v Khiếu kiện quyết định hành chính

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Thúy Bình;

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Tất Nam;

Ông Trần Quang Minh.

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Vũ Thị Nguyệt - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội:*** Ông Nguyễn Quang Tuyền - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 24 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 498/2022/TLPT-HC ngày 10 tháng 11 năm 2022 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 14/2021/HC-ST ngày 11 tháng 8 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh B bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2360/2023/QĐPT-HC ngày 07 tháng 03 năm 2023 giữa các đương sự:

***1. Người khởi kiện:*** Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1951; địa chỉ: Xóm S, thôn Đ, xã Đ, huyện G, tỉnh B; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

***2. Người bị kiện:*** Ủy ban nhân dân (UBND) huyện G, tỉnh B và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh B;

***Đại diện theo ủy quyền:*** Ông Nguyễn Bá T - Phó Chủ tịch UBND huyện G; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

***3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:***

3.1. Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện G, tỉnh B;

***Đại diện theo ủy quyền:*** Ông Nguyễn Văn D - Phó Chủ tịch UBND xã Đ; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3.2. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1948;

3.3. Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1972;

3.4. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1975;

3.5. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1981;

Đều trú tại: Xóm S, thôn Đ, xã Đ, huyện G, tỉnh B.

- Ông H, anh N, anh T, anh T đều ủy quyền cho Bà Nguyễn Thị L, đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3.6. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1978; Địa chỉ: Xóm S, thôn Đ, xã Đ, huyện G, tỉnh B; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

**4. Người kháng cáo:** Bà Nguyễn Thị L,

#### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo người khởi kiện bà Nguyễn Thị L trình bày:* Theo chủ trương chính sách của Chủ tịch Hồ Chí Minh; năm 1960, gia đình bà và 90 hộ dân khác ở xóm S, thôn Đ được Nhà nước giao đất nông nghiệp 5% tại khu đất Đ để sử dụng lâu dài. Năm 2021, UBND huyện G thực hiện dự án đầu tư xây dựng khu nhà ở để đấu giá quyền sử dụng đất tại thôn Đ, xã Đ, huyện G đã thu hồi đất của gia đình bà và người dân xóm S được giao sử dụng lâu dài nêu trên. Gia đình bà bị thu hồi 300,1m<sup>2</sup> đất nông nghiệp; bà không đồng ý với chủ trương thu hồi đất, quyết định thu hồi đất, phương án bồi thường hỗ trợ của UBND huyện G; gia đình bà muốn giữ lại đất để trồng lúa, bà chưa nhận tiền bồi thường hỗ trợ của UBND huyện G.

Bà L đề nghị Tòa án giải quyết:

1. Tuyên bố hành vi không giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện G đối với đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị L là trái pháp luật.

2. Hủy Quyết định số 918/QĐ-UBND ngày 30/9/2021 của UBND huyện G về việc thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng khu nhà ở để đấu giá quyền sử dụng đất tại thôn Đ, xã Đ, huyện G đối với gia đình bà Nguyễn Thị L.

3. Hủy Quyết định số 919/QĐ-UBND ngày 30/9/2021 của UBND huyện G về việc phê duyệt phương án việc thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng bồi thường hỗ trợ khi thu hồi đất khu nhà ở để đấu giá quyền sử dụng đất tại thôn Đ, xã Đ, huyện G đối với gia đình bà Nguyễn Thị L.

4. Yêu cầu UBND huyện G phải trả lại nguyên hiện trạng thửa đất nông nghiệp của gia đình bà Nguyễn Thị L.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là các thành viên gia đình bà L đều thống nhất với ý kiến của bà L.

*Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện trình bày:*

Dự án đầu tư xây dựng khu nhà ở để đấu giá quyền sử dụng đất tại thôn Đ, xã Đ, huyện G là dự án Nhà nước thu hồi đất để phát triển kinh tế xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng theo điểm d khoản 3 Điều 62 Luật đất đai 2013. Do vậy, giá

bồi thường hỗ trợ khi thu hồi đất trong trường hợp này được áp dụng theo quy định của UBND tỉnh B tại Quyết định 19/2020/QĐ-UBND ngày 30/12/2020.

Về trình tự thủ tục lập hồ sơ thu hồi đất, hồ sơ về phương án bồi thường, hỗ trợ được đảm bảo công bằng, khách quan, trung thực, chính xác đúng theo quy định tại Điều 69 Luật Đất đai năm 2013.

Ngày 30/9/2021, UBND huyện G ban hành Quyết định số 918/QĐ-UBND về việc thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng khu nhà ở để đầu giá quyền sử dụng đất tại thôn Đ, xã Đ, huyện G.

Ngày 30/9/2021, UBND huyện G ban hành Quyết định số 919/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng bồi thường hỗ trợ khi thu hồi đất khu nhà ở để đầu giá quyền sử dụng đất tại thôn Đ, xã Đ, huyện G.

Theo Quyết định số 918/QĐ-UBND và Quyết định số 919/QĐ-UBND, đối với gia đình bà Nguyễn Thị L diện tích thu hồi để thực hiện dự án là 300,1m<sup>2</sup>; loại đất: đất chuyên trồng lúa (LUC); hình thức sử dụng đất giao ổn định lâu dài; tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ là: 131.743.900 đồng. Đến nay gia đình bà L chưa nhận tiền bồi thường, hỗ trợ theo quy định.

Thẩm quyền và trình tự thủ tục thu hồi đất cũng như việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất là đúng quy định pháp luật. Chủ tịch UBND huyện G cũng không nhận được đơn khiếu nại của các hộ dân liên quan đến việc thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng khu nhà ở để đầu giá quyền sử dụng đất tại thôn Đ, xã Đ. Đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà L.

*Theo UBND xã Đ, huyện G:* UBND xã Đ đồng ý quan điểm của UBND huyện G; về việc các hộ cho rằng xã cấm không cho các hộ canh tác là không đúng vì khu vực này hiện nay chưa bồi thường xong cho các hộ có đất thu hồi; đến nay UBND xã chưa san lấp mặt bằng thi công nên ruộng vẫn còn nguyên vẹn. Việc các hộ yêu cầu UBND xã bồi thường thiệt hại do không cấy được là không có cơ sở. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 14/2022/HC-ST ngày 11 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh B, quyết định:

Căn cứ vào Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính; Điều 62, Điều 66, Điều 69 Luật đất đai 2013; Điều 18, Điều 29, Điều 30, Điều 31 Luật khiếu nại 2011; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L gồm:

- Bác yêu cầu khởi kiện về việc hành vi không giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện G đối với đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị L.

- Bác yêu cầu khởi kiện về việc hủy Quyết định số 918/QĐ-UBND ngày 30/9/2021 của UBND huyện G về việc thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng khu nhà ở để đấu giá quyền sử dụng đất tại thôn Đ, xã Đ, huyện G đối với gia đình bà Nguyễn Thị L.

- Bác yêu cầu khởi kiện về việc hủy Quyết định số 919/QĐ-UBND ngày 30/9/2021 của UBND huyện G về việc phê duyệt phương án việc thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng bồi thường hỗ trợ khi thu hồi đất khu nhà ở để đấu giá quyền sử dụng đất tại thôn Đ, xã Đ, huyện G đối với gia đình bà Nguyễn Thị L.

- Bác yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu UBND huyện G phải trả lại nguyên hiện trạng thửa đất nông nghiệp của gia đình bà Nguyễn Thị L.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 16/8/2022, người khởi kiện bà Nguyễn Thị L có đơn kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội nêu quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính bác yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị L; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của Kiểm sát viên; Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[1]. Về tố tụng: Ngày 07/01/2022, bà Nguyễn Thị L khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 918/QĐ-UBND và Quyết định số 919/QĐ-UBND ngày 30/9/2021 của UBND huyện G; hành vi không giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện G. Khiếu kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; Tòa án nhân dân tỉnh B thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 30, 32, 116 Luật tố tụng hành chính.

[2]. Về nội dung: Xét tính hợp pháp của Quyết định số 918/QĐ- UBND ngày 30/9/2021 của UBND huyện G về việc thu hồi đất và Quyết định số 919/QĐ-UBND ngày 30/9/2021 của UBND huyện G về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ:

[2.1]. Thẩm quyền ban hành: Quyết định số 918/QĐ-UBND và Quyết định số 919/QĐ-UBND của UBND huyện G được ban hành theo quy định đúng thẩm

quyền theo quy định khoản 2 Điều 66; khoản 3 Điều 69 Luật đất đai và Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

[2.2]. Về trình tự, thủ tục ban hành: UBND huyện G ban hành quyết định thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB là đúng trình tự thủ tục quy định tại Điều 69 Luật đất đai năm 2013; Điều 17 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

[2.3]. Xét yêu cầu khởi kiện không đồng ý việc thu hồi đất của bà Nguyễn Thị L: Theo Quyết định số 918/QĐ-UBND thì hộ gia đình bà L bị thu hồi tổng diện tích 300,1m<sup>2</sup> đất LUC số thửa 17 tờ bản đồ số 56 đất nông nghiệp giao lâu dài và tại Quyết định số 919/QĐ-UBND tổng số tiền bồi thường hỗ trợ là: 131.743.900đồng. Gia đình bà không đồng ý nhận tiền bồi thường hỗ trợ và đề nghị không thu hồi diện tích đất nông nghiệp để gia đình bà giữ lại đất canh tác.

Dự án đầu tư xây dựng bồi thường hỗ trợ khi thu hồi đất khu nhà ở để đấu giá quyền sử dụng đất tại thôn Đ, xã Đ, huyện G đã được Hội đồng nhân dân tỉnh B phê duyệt theo Nghị quyết số 310/NQ-HĐND ngày 11/12/2020 về việc thông qua danh mục dự án chuyển mục đích sử dụng dưới 10ha đất trồng lúa, 20ha đất rừng; dự án thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng năm 2021 trên địa bàn tỉnh.

Việc thu hồi đất để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng bồi thường hỗ trợ khi thu hồi đất khu nhà ở để đấu giá quyền sử dụng đất tại thôn Đ, xã Đ, huyện G thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, cộng đồng theo quy định tại khoản 3 Điều 62 Luật đất đai 2013 nên giá bồi thường, hỗ trợ được áp dụng theo quy định của UBND tỉnh B tại Quyết định số 19/2020/QĐ-UBND ngày 30/12/2020 của UBND tỉnh B. Xem xét các quy định pháp luật có liên quan tại thời điểm phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ thì mức bồi thường tiền đất, hoa màu trên đất và các khoản hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh B được xác định như sau: Đối với đất nông nghiệp giao ổn định lâu dài: bồi thường về đất 70.000đ/m<sup>2</sup>; bồi thường hoa màu 9.000 đ/m<sup>2</sup>; hỗ trợ ổn định đời sống sản xuất 10.000đ/m<sup>2</sup>; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm 350.000 đ/m<sup>2</sup>. Tổng kinh phí bồi thường hỗ trợ là 439.000đ/m<sup>2</sup>.

Như vậy, đối chiếu với các Bảng tổng hợp phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất tại Quyết định số 919/QĐ-UBND thì mức bồi thường, hỗ trợ đối với gia đình bà L là đúng quy định của pháp luật.

Việc gia đình bà L không đồng ý thu hồi đất để thực hiện dự án và đề nghị giữ lại đất để sản xuất nông nghiệp là không có cơ sở. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của bà L đề nghị huỷ Quyết định số 918/QĐ-UBND, Quyết định số 919/QĐ-UBND và yêu cầu phải trả lại nguyên hiện trạng thửa đất nông nghiệp của gia đình bà L là có căn cứ.

[3]. Đối với yêu cầu khởi kiện về việc Chủ tịch UBND huyện G không giải quyết khiếu nại:

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã yêu cầu phía người khởi kiện cung cấp tài liệu liên quan đến việc khiếu nại đối với Quyết định số 918/QĐ-UBND và Quyết định số 919/QĐ-UBND đến Chủ tịch UBND huyện G nhưng bà L cho rằng đơn khiếu nại là đơn viết tay không còn giữ lại; việc gửi đơn khiếu nại theo hình thức qua bưu điện có dán tem nên không còn lưu giữ lại. Mặt khác, hiện nay bà L cũng đã khởi kiện Quyết định số 918/QĐ-UBND và Quyết định số 919/QĐ-UBND ra Tòa án để giải quyết và lựa chọn Tòa án nhân dân tỉnh B là cơ quan giải quyết yêu cầu.

Phía người bị kiện xác định không nhận được đơn khiếu nại của các hộ dân liên quan đến việc thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng khu nhà ở để đấu giá quyền sử dụng đất tại thôn Đ, xã Đ, huyện G. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L là có cơ sở.

[4]. Tòa án cấp sơ thẩm đã không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của bà L là có căn cứ. Tại cấp phúc thẩm, bà L không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì mới. Do vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà L; cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tại phiên tòa.

[5]. Về án phí: Theo quy định tại Điều 2 Luật người cao tuổi và điểm đ Điều 14, Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án thì bà L thuộc trường hợp được miễn án phí.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị L; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 14/2022/HC-ST ngày 11 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh B.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị L được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh B;
- VKSND tỉnh B;
- Cục THADS tỉnh B;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HS, HCTP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Thúy Bình**

**CÁC THẨM PHÁN**

**THẨM PHÁN  
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Tất Nam**

**Trần Quang Minh**

**Lê Thị Thúy Bình**



**CÁC THẨM PHÁN**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Quang Minh**

**Hồ Sỹ Hưng**

**Nguyễn Văn Cường**

